

Số: 403/TB-BVLKPHCN

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2022

## THÔNG BÁO

**Về việc mời báo giá công cụ, dụng cụ, máy in, kết sắt, máy đếm tiền, quần áo bệnh nhân, quần áo nhân viên y tế và đồ vải sử dụng trong chuyên môn y tế**

Kính gửi: Quý công ty, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh hàng hóa máy in, kết sắt, máy đếm tiền, công cụ, dụng cụ, quần áo bệnh nhân, quần áo nhân viên y tế và đồ vải sử dụng trong chuyên môn y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế về việc ban hành Quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (Đợt 1) - Kinh phí sự nghiệp ngành y tế.

Trên cơ sở nhu cầu mua sắm máy in, kết sắt, máy đếm tiền, giá tấm inox, thùng đựng rác, xô đựng rác, đồ vải sử dụng trong chuyên môn y tế để phục vụ nhu cầu sử dụng trong công tác chuyên môn của đơn vị. Để tăng cường tính công khai, minh bạch trong mua sắm hàng hóa đồng thời có cơ sở lập dự toán cho kế hoạch mua sắm. Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng đăng tải nhu cầu trên cổng thông tin của bệnh viện. Quý Công ty, đơn vị, cung cấp một số

thông tin, tài liệu về hàng hóa do đơn vị mình sản xuất, phân phối hoặc chào bán, cụ thể như sau:

**1. Quý Công ty, doanh nghiệp, đơn vị cung cấp thông tin chào giá đối với danh mục hàng hóa gồm:**

- 1.1. Danh mục: Máy in đen trắng A4 (theo **Phụ lục 1** đính kèm).
- 1.2. Danh mục: Két sắt, máy đầm tiền (theo **Phụ lục 2** đính kèm).
- 1.3. Danh mục: Giá tắm 5 tầng inox 304 (theo **Phụ lục 3** đính kèm).
- 1.4. Danh mục: Thùng, Xô đựng rác thải (theo **Phụ lục 4** đính kèm).
- 1.5. Danh mục: Quần áo bệnh nhân, quần áo nhân viên y tế, xăng, ga, gói ... (theo **Phụ lục 5** đính kèm).

**2. Yêu cầu báo giá:**

- Quý Công ty, doanh nghiệp, đơn vị quan tâm vui lòng cung cấp: Chào giá toàn bộ danh mục tại phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 hoặc từng phụ lục 1/ phụ lục 2/ phụ lục 3/ phụ lục 4/ phụ lục 5.

- Thời gian hiệu lực của báo giá:  $\geq 90$  ngày kể từ ngày báo giá

- Bảng cung cấp hàng hóa và chào giá: Theo mẫu tại **phụ lục 6**

**3. Hồ sơ gửi kèm 01 bộ gồm**

- Bản cứng Giấy phép hoạt động
- Bản cứng **phụ lục 6**
- USB bản mềm (chứa thông tin chào giá theo phụ lục 1, 2, 3, 4, 5; Giấy phép hoạt động bản Scanner; Bảng chào giá Scanner).
- Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của sản phẩm, chứng nhận chất lượng (nếu có) và các tài liệu liên quan khác.

**4. Thời gian và nơi tiếp nhận thông tin chào giá**

- Thời hạn cung cấp thông tin: Trước 14 giờ 00 ngày 21/07/2022.

- Địa chỉ nhận thông tin: Hội đồng mua sắm, Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng.

+ Địa chỉ: Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

+ Email: hdmsbvlkphcn@gmail.com

+ Bộ phận thường trực: **Bà Phạm Thị Hoa**, thành viên hội đồng mua sắm, Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng. Số điện thoại liên hệ: **0383.390.176**

Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, PGD (chi đạo);
- HDMS-BVLKPHCN;
- Phòng QLCL&CNTT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, TCHC, TCKT, KHTH-CĐT.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quang Dũng**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo thông báo số 403/TB-BVLK-PHCN ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Bệnh viện Lão khoa – Phục hồi chức năng Quảng Ninh)*

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục và cấu hình kỹ thuật máy in**

**I. Danh mục**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy in laser đen, trắng A4	chiếc	50

**II. Cấu hình, tính năng kỹ thuật**

<b>TT</b>	<b>Cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào thiết bị có cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>
<b>1</b>	<b>Máy in laser đen, trắng A4</b>
<b>a</b>	<b>Yêu cầu chung</b>
	Máy mới 100% sản xuất năm 2022 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương
<b>b</b>	<b>Cấu hình cung cấp</b>
1	Máy chính: 01 chiếc
2	Khay nạp giấy: 01 bộ Khay Cassette, Khay đa chức năng
3	Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
4	Hộp mực Cartridge: 01 bộ
5	Cáp nguồn: 01 chiếc
6	Đĩa cài: 01 chiếc
7	Cáp kết nối máy tính và máy in
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
<b>c</b>	<b>Cấu hình kỹ thuật</b>
	- Phương thức in: In tia laser đơn sắc
	- Tốc độ in: $\geq 25$ trang/phút (A4)
	- Chất lượng in : $\geq (1200 \times 1200)$ dpi
	- Bộ nhớ máy: $\geq 64$ MB
	- Thời gian in bản đầu tiên: $\leq 6,5$ giây
	- Có tính năng in hai mặt
	- Cổng kết nối: USB, LAN
	- Cartridge Mực: $\geq 900$ trang

**PHỤ LỤC 2**  
**Danh mục, cấu hình kỹ thuật máy đếm tiền và két sắt**

**I. Danh mục**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Két sắt	chiếc	02
2	Máy đếm tiền và soi tiền	Chiếc	01

**II. Cấu hình, tính năng kỹ thuật**

TT	<b>Cấu hình, thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào thiết bị có cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>
<b>1</b>	<b>Két sắt</b>
<b>a</b>	<b>Yêu cầu chung</b> Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương
<b>b</b>	<b>Cấu hình cung cấp</b>
1	Két chính: 01 chiếc
2	Đợt di động: 02 chiếc
3	Chìa khóa két: 01 bộ
4	Ngăn phụ: 01 chiếc
5	Tay nắm đóng mở két: 01 chiếc
6	Khóa mã: 01 bộ
7	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
<b>c</b>	<b>Cấu hình kỹ thuật</b>
	- Kích thước ngoài: (rộng 775 x dài 590 x cao 1400) mm
	- Kích thước trong: (rộng 646 x D435 x H1145 mm
	- Két dạng đứng, có khóa chìa, khóa mã, tay nắm, mặt nạ hộp nhựa.
	- Có 1 cánh mở, tối thiểu 7 chốt chìm với 3 bản lề nôi.
	- Lòng két có 2 đợt di động và ngăn phụ
	- Khối lượng: 357 Kg ( $\pm 10\%$ )
	- Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện
	- Đế két có gắn bánh xe di chuyển 4 hướng
	- Chống cháy với nhiệt độ $\geq 500^{\circ}\text{C}$
<b>2</b>	<b>Máy đếm và soi tiền</b>
<b>a</b>	<b>Yêu cầu chung</b> Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn nhà sản xuất
<b>b</b>	<b>Cấu hình cung cấp</b>
1	Máy chính: 01 chiếc
2	Dây nguồn: 01 chiếc

3	Bộ phụ kiện đồng bộ: 01 bộ
4	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
<b>c</b>	<b>Tính năng kỹ thuật</b>
	- Phần mềm đếm tiền bản quyền
	- Máy đếm các loại tiền: Polyme, tiền giấy
	- Có tính năng phát hiện tiền giả bằng đèn Led
	- Màn hình hiển thị số đếm
	- Tự động khởi động và tự động dừng
	- Tự động xóa số về không
	- Chức năng đếm cộng dồn số
	- Chức năng chia mẻ
	- Cảnh báo kẹt tiền bằng tiếng và hiển thị số
	- Tự động kiểm tra hoạt động của máy báo sự cố như: cảm biến, mô tơ... thông qua hiển thị trên màn hình.
	- Tự động nhận biết mệnh giá và chất liệu tiền
	- Tự động đếm và phân loại tiền lẫn loại
	- Sử dụng 02 bộ cảm biến hồng ngoại đếm chính xác giảm thiểu sai sót cao nhất
	- Tốc độ đếm 1000 tờ / phút

**PHỤ LỤC 3**  
**Danh mục, cấu hình kỹ thuật giá tấm 5 tầng inox 304**

**I. Danh mục**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Giá tấm 5 tầng inox SUS 304: Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, các sàn tầng có bo nan can 4 cạnh cao 50 mm	Chiếc	25
2	Giá tấm 5 tầng inox SUS 304: Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, các sàn tầng có bo nan can 4 cạnh cao 50 mm, tại các sàng tầng có bo nan can 4 cạnh cao 100-150mm	Chiếc	20
3	Giá tấm 5 tầng inox SUS 304: Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, các sàn tầng có bo nan can 4 cạnh cao 50 mm mm, tại các sàng tầng có bo nan can 3 cạnh cao 50mm	Chiếc	15

**II. Thông số kỹ thuật**

TT	<b>Thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào thiết bị có cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>
<b>1</b>	<b>Giá tấm 5 tầng inox SUS 304</b> - Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, các sàn tầng có bo nan can 4 cạnh cao 50 mm
<b>a</b>	<b>Yêu cầu chung</b> Giá mới 100% sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn nhà sản xuất
<b>b</b>	<b>Cấu hình cung cấp</b> Giá inox tấm SUS 304: 01 chiếc Bộ phụ kiện lắp đặt: 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
<b>c</b>	<b>Cấu hình kỹ thuật</b> - Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm - Vật liệu sử dụng inox SUS304 - Chân và khung giá sử dụng hộp inox 304 cỡ 30x30x1,2 có điều chỉnh độ cao. - Sàn tầng sử dụng tấm inox độ dày từ 0.6-0.8mm, trên mặt sàn được cắt CNC đục lỗ tạo khoảng thoáng, có tăng cứng. Dập sản gấp góc bằng công máy gấp chuyên dụng. - Mỗi hàn bằng khí argon không bị oxi hoá, đánh bóng mỗi hàn bằng vật liệu chuyên dụng. - Khoảng giữa cách giữa các sàn tầng có độ cao 450 - 480 mm

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bo các sàn tầng dựng nan can 50mm bằng inox 10x10mm, các đố đỡ nan can bằng inox 10x10mm, khoảng cách đảm bảo độ chịu lực.</li> <li>- Chân giá tầng giảm chiều cao từ 5-30mm, có chống trơn trượt</li> </ul>
<b>2</b>	<p><b>Giá tấm 5 tầng inox SUS 304</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, tại các sàn tầng có bo nan can 4 cạnh cao 100-150mm</li> </ul>
<b>a</b>	<p><b>Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giá mới 100% sản xuất năm 2022 trở về sau</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> </ul>
<b>b</b>	<p><b>Cấu hình cung cấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giá inox tấm SUS 304: 01 chiếc</li> <li>Bộ phụ kiện lắp đặt: 01 bộ</li> <li>Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</li> </ul>
<b>c</b>	<p><b>Cấu hình kỹ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm</li> <li>- Vật liệu sử dụng inox SUS304</li> <li>- Chân và khung giá sử dụng hộp inox 304 cỡ 30x30x1,2 có điều chỉnh độ cao.</li> <li>- Sàn tầng sử dụng tấm inox độ dày từ 0.6-0.8mm, trên mặt sàn được cắt CNC đục lỗ tạo khoảng thoáng, có tăng cứng</li> <li>- Mối hàn bằng khí argon không bị oxi hoá, đánh bóng mối hàn bằng vật liệu chuyên dụng.</li> <li>- Khoảng giữa cách giữa các sàn tầng có độ cao 480 mm</li> <li>- Bo các sàn tầng dựng nan can 50mm bằng inox 10x10mm, các đố đỡ nan can bằng inox 10x10mm, khoảng cách đảm bảo độ chịu lực.</li> <li>- Chân giá tầng giảm chiều cao từ 5-30mm, có chống trơn trượt</li> </ul>
<b>3</b>	<p><b>Giá tấm 5 tầng inox SUS 304</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm, tại các sàn tầng có bo nan can 3 cạnh cao 50mm</li> </ul>
<b>a</b>	<p><b>Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giá mới 100% sản xuất năm 2022 trở về sau</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> </ul>
<b>b</b>	<p><b>Cấu hình cung cấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giá inox tấm SUS 304: 01 chiếc</li> <li>Bộ phụ kiện lắp đặt: 01 bộ</li> <li>Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</li> </ul>
<b>c</b>	<p><b>Cấu hình kỹ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (Rộng 560 x Dài 2000 x Cao 2000) mm</li> <li>- Vật liệu sử dụng inox SUS304</li> <li>- Chân và khung giá sử dụng hộp inox 304 cỡ 30x30x1,2 có điều chỉnh độ cao.</li> <li>- Sàn tầng sử dụng tấm inox độ dày từ 0.6-0.8mm, trên mặt sàn được cắt CNC đục lỗ tạo khoảng thoáng, có tăng cứng</li> </ul>

	- Mối hàn bằng khí argon không bị oxi hoá, đánh bóng mối hàn bằng vật liệu chuyên dụng.
	- Khoảng giữa cách giữa các sàn tầng có độ cao 480 mm
	- Bo 3 cạnh các sàn tầng dựng nan can 50mm bằng inox 10x10mm, các đố đỡ nan can bằng inox 10x10mm, khoảng cách đảm bảo độ chịu lực.
	- Chân giá tầng giảm chiều cao từ 5-30mm, có chống trơn trượt



**PHỤ LỤC 4**  
**Danh mục, thông số kỹ thuật thùng và xô đựng rác**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
1	Thùng đựng chất thải loại 120 lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên chất 100%, phủ chất chống tia UV (Tia cực tím)</li> <li>- Dung tích: <math>\geq 120</math> lít</li> <li>- Kích thước: (46 x 55 x 94) cm +/- 5%</li> <li>- Kiểu đứng, mặt trước có nhãn/logo</li> <li>- Có nắp đậy</li> <li>- Có 2 bánh xe chịu lực (D)200</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: EN-840 hoặc tương đương</li> </ul>	Chiếc	40
2	Thùng đựng rác thải loại 20 lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa HDPE-PP</li> <li>- Dung tích: <math>\geq 20</math> lít</li> <li>- Kích thước: (300 x 340 x 420) mm +/- 5%</li> <li>- Thùng rác y tế có đạp chân mở nắp</li> <li>- Có nhãn/logo theo màu thùng, phù hợp với quy định của Bộ Y tế</li> <li>- Màu sắc: Xanh/Vàng/ Trắng/ Đen</li> </ul>	Chiếc	150
3	Xô y tế dùng cho xe tiêm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa PP</li> <li>- Dung tích: <math>\geq 5</math> lít</li> <li>- Có nắp đóng mở bằng đạp chân</li> </ul>	Chiếc	60

**PHỤ LỤC 5**  
**Danh mục, thông số kỹ thuật đồ vải, xăng mỗ, chăn, ga, gối, quần áo bệnh nhân, quần áo nhân viên y tế**

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật (Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Quần áo nhân viên		Bộ	320
1.1	Bộ trang phục của Bác sĩ	<p><b>1. Áo hệ thu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương</li> <li>- May theo cỡ số: S, M, L, XL</li> <li>- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</li> </ul> <p><b>2. Áo đồng xuân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương</li> <li>- May theo cỡ số: S, M, L, XL</li> <li>- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</li> </ul> <p><b>3. Quần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương</li> <li>- May theo cỡ số: S, M, L, XL</li> <li>- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau</li> </ul> <p><b>4. Mũ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Theo màu sắc của áo</li> <li>- Chất liệu: Theo chất liệu của áo</li> </ul>	Bộ	100
1.2	Bộ trang phục quần áo Điều dưỡng viên	<p><b>1. Áo hệ thu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương.</li> <li>- May theo cỡ số: S, M, L, XL</li> <li>- Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo</li> </ul>		108

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>	Đơn vị tính	Số lượng
		ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm <b>2. Áo đông xuân</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải chun hoặc tương đương. - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <b>3. Quần</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <b>4. Mũ</b> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo		
1.3	Bộ trang phục Kỹ thuật viên	<b>1. Áo hè thu:</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương. - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <b>2. Áo đông xuân</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương chun hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay, chiều dài áo ngang hông, cổ 2 ve, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực áo, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện, cài cúc giữa. <b>3. Quần</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki hoặc chun hoặc		40

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> (Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
		tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau <b>4. Mũ</b> - Màu sắc : Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo		
1.4	Bộ trang phục của Dược sĩ	<b>1. Áo hệ thu:</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương chun hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo blouse, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía dưới có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. <b>2. Áo đông xuân</b> - Màu sắc : Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía dưới có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. <b>3. Quần</b> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki chun hoặc tương đương. - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <b>4. Mũ</b> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo		12
1.5	Bộ trang phục nhân viên đón tiếp	- Màu sắc: Áo váy màu hồng, áo sơ mi trắng - Chất liệu: Áo váy vải tuyết mưa chun, Áo sơ mi vải loong. - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo liền váy kiểu ngắn tay, áo sơ mi trong kiểu dài tay hoặc ngắn tay		6

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>	Đơn vị tính	Số lượng
		cho mùa hè, chiều dài váy quá đầu gối 5cm, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <b>Mũ</b> - Màu sắc : Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo		
1.6	Bộ trang phục nhân viên hành chính nữ	- Màu sắc: Áo màu kẻ trắng xanh nhỏ, quần hoặc chân váy màu tím than đen. - Chất liệu: Áo vải kate hoặc tương đương, quần hoặc chân váy vải caser hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay cho mùa hè, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. Quần âu hai ly, 2 túi chéo; chiều dài chân váy quá đầu gối 5cm.		30
1.7	Bộ trang phục nhân viên hành chính nam	- Màu sắc: Áo màu kẻ trắng xanh nhỏ, quần màu tím than đen. - Chất liệu: Áo vải kate hoặc tương đương, quần vải tuytsi cháy hoặc tương đương. - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: +Áo sơ mi kiểu dài tay hoặc ngắn tay cho mùa hè có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 2 túi sau		20
1.8	Bộ trang phục kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	<b>1. Áo hè thu</b> - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương - May theo cỡ số: S, M, L, XL - Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện. <b>2. Áo đông xuân</b> - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương. - May theo số đo yêu cầu - Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông dài tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía trên khuy cài có in logo bệnh viện.		4

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> <i>(Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)</i>	Đơn vị tính	Số lượng
		<b>3. Quần</b> - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kaki hoặc tương đương - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau		
2	Ga trải giường bệnh nhân	- Màu sắc: Màu xanh, trắng, ghi - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Kích thước: 2,5m x 1,5m - Kiểu dáng: Ga may chun xung quanh	Chiếc	400
3	Áo choàng phẫu thuật, khẩu trang, mũ	- Màu sắc: Màu xanh lá cây - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Kích thước: Size 2XL - Kiểu dáng: Áo choàng mở liền khẩu trang, có chun nút cổ tay, có 4 khuy đặc biệt. - Tái sử dụng sau khi qua hấp, tẩy trùng.	Chiếc	100
4	Áo phẫu thuật viên	- Vải thô màu xanh da trời. - Thành phần: 35% cotton 65% polyeste. - Quy cách: Mật độ đường may 6 mũi chỉ/cm, tất cả các đường may mép sản phẩm phải gấp, may đè mí, độ rộng vừa phải theo tiêu chuẩn sản phẩm, các đoạn nối vải phải cắt từ khối vải theo đường thẳng vải, đoạn nối các phần phải thẳng hàng theo mạch vải. Free size - Tái sử dụng sau khi qua hấp, tẩy trùng. - Có in logo bệnh viện.	Chiếc	200
5	Quần phẫu thuật viên	- Vải thô màu xanh da trời. - Thành phần: 35% cotton (+/- 5%), 65% polyeste (+/- 5%) - Quy cách: Mật độ đường may 6 mũi chỉ/cm, tất cả các đường may mép sản phẩm phải gấp, may đè mí, độ rộng vừa phải theo tiêu chuẩn sản phẩm, các đoạn nối vải phải cắt từ khối vải theo đường thẳng vải, đoạn nối các phần phải thẳng hàng theo mạch vải. Free size - Tái sử dụng sau khi qua hấp, tẩy trùng. - Có in logo bệnh viện.	Chiếc	200
6	Khẩu trang phẫu thuật viên	Vải thô, mềm màu xanh da trời - Thành phần: 35% cotton 65% polyeste - Kích cỡ: 11 x 21 cm	Chiếc	200
7	Mũ phẫu thuật viên	Vải thô, mềm màu xanh da trời - Thành phần: 35% cotton 65% polyeste - Tái sử dụng sau khi qua hấp, tẩy trùng. - Kích cỡ: 28 x 14 cm	Chiếc	200
8	Áo bệnh nhân	- Vải Kate màu xanh lam. - Thành phần: 35% cotton (+/- 5%), 65%	Chiếc	600

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> (Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
		polyeste (+/- 5%) Sợi nhuộm giặt tẩy không phai. Quy cách: mật độ đường may 6 mũi chỉ/cm, tất cả các đường may mép sản phẩm phải gấp, may đê mí, độ rộng vừa phải theo tiêu chuẩn sản phẩm. Áo: May kiểu Pyjama dài tay, cổ bẻ 2 ve, cài cúc. Chiều dài áo qua hông trên gối 25cm, cổ tay thụng, phía trước có 2 túi, ngực áo. Có in logo bệnh viện.		
9	Quần bệnh nhân	- Vải Kate màu xanh lam - Thành phần: 35% cotton (+/- 5%), 65% polyeste (+/- 5%) - Sợi nhuộm giặt tẩy không phai. Quy cách: mật độ đường may 6 mũi chỉ/cm, các đường may mép sản phẩm được gấp, may đê mí. Quần: May kiểu Pyjama, chiều dài đến mắt cá chân, cạp chun, gấu quần lật ngoài ≤ 4cm. - Có in logo bệnh viện.	Chiếc	600
10	Bộ trang phục người nhà bệnh nhân	- Màu sắc: Màu vàng nhạt - Chất liệu: Vải loong Nhật - Kiểu dáng: Áo khoác dài tay, cài cúc giữa, cổ tròn, chiều dài áo dưới 5-10cm, phía trước có 2 túi, in logo bệnh viện trên ngực trái. - Có in logo bệnh viện.	Bộ	300
11	Quần thụng đũng	Quần lưng chun 2 bên hông, không túi bỏ đũng quần. Vải Kaki hoặc tương đương Thành phần: 35% cotton (+/- 5%), 65% polyeste (+/- 5%) Có in logo bệnh viện.	Chiếc	100
12	Săng gói dụng cụ 2 lớp	- Màu sắc: Màu xanh tím - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Kích thước: 1,2m x 1,5m - Kiểu dáng: 02 lớp, may viền xung quanh	Chiếc	100
13	Săng gói dụng cụ 2 lớp	- Màu sắc: Màu xanh da trời - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương có 35% (+/- 5%) cotton - Kích thước: 0,8m x 0,8m (+/- 5%) - Kiểu dáng: 02 lớp, may viền xung quanh	Chiếc	100
14	Săng phẫu thuật 2 lớp	- Màu sắc: Màu xanh tím - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương	Chiếc	200

TT	Danh mục	<b>Thông số kỹ thuật</b> (Chỉ để tham khảo. Đơn vị có thể chào tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn)	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,2m x 1,5m (+/- 5%)</li> <li>- Kiểu dáng: May viền xung quanh</li> </ul>		
15	Săng phẫu thuật 2 lớp có lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu xanh tím</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: Săng (1,2x1,5)m, sai số +/- 5%, lỗ (10x10)cm, sai số +/- 5%</li> <li>- Kiểu dáng: May viền xung quanh và lỗ</li> </ul>	Chiếc	200
16	Vỏ chăn bệnh nhân	<p>Vải thô kaki lông chéo màu kẻ ô xanh, đen, trắng, nâu đất, viền hoa dây 2 đầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: 35% cotton (+/- 5%), 65% polyeste (+/- 5%).</li> <li>- Quy cách: May đè mí, độ rộng phù hợp với sản phẩm.</li> <li>- Có in logo bệnh viện.</li> </ul>	Chiếc	400
17	Ruột chăn bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Bông PE + Vỏ cotton</li> <li>- Kích thước: (2 x 2,2) m</li> <li>- Độ đàn hồi: có độ đàn hồi, giữ nhiệt, có thể giặt được.</li> </ul>	Chiếc	400
18	Vỏ gối + Ruột gối	<p><b>1. Vỏ gối</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: làm từ xơ bông ball, 100% polyester nhập khẩu</li> <li>- Vỏ bọc gối vải pha cotton và polyster</li> <li>- Kích thước: (45x 65) cm</li> <li>- Gối có độ đàn hồi, giữ nhiệt, có thể giặt được.</li> </ul> <p><b>2. Ruột gối:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Bông PE</li> <li>- Độ đàn hồi: độ đàn hồi tốt</li> </ul>	Chiếc	400





- Giá trên là giá đã bao gồm thuế, phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao hướng dẫn sử dụng và các loại phí khác.
- Các điều khoản:
  - + Hàng hóa mới 100% sản xuất từ năm 2022 trở lại đây;
  - + Địa điểm giao hàng: .....
  - + Thời gian giao hàng: .....
  - + Thời gian bảo hành: .....
- Báo giá trên có hiệu lực trong vòng ..... ngày kể từ ngày ký.
- Chúng tôi cam kết những nội dung trên là chính xác và đầy đủ. Trường hợp thông tin không chính xác hoặc thiếu Công ty/ doanh nghiệp/đơn vị cam kết chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành.

....., ngày ... tháng ... năm 2022  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ**  
*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

*Ghi chú:*

- (3) Cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hóa (áp dụng đối với phụ lục 1,2,3): Đơn vị cung cấp đầy đủ các thông tin:
  - + Model/ Mã, hãng sản xuất, hãng chủ sở hữu, nước sản xuất/ xuất xứ;
  - + Cấu hình cung cấp;
  - + Thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị